

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST

Ngày 10 -12 - 2019.

V/v tranh chấp Ly hôn giữa chị
Bùi Thị Lan A và anh Nguyễn Văn Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Ôn.

2. Ông Bùi Văn Thiệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bùi Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 177/2019/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37A/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Lan A, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Chỗ ở: Xóm N, xã X, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là chị Bùi Thị Lan A trình bày: chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình ngày 14/3/2018. Cuộc sống chung sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng đã có nhiều bất đồng với nhau về quan điểm, tính cách và lối sống; cuộc sống chung luôn căng thẳng, nặng nề, không có hạnh phúc. Chị Lan A và gia đình đã khuyên can, cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể kéo dài; vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay chị Bùi Thị Lan A thấy tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện

đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: chị Bùi Thị Lan A và anh Nguyễn Văn Đ có 01 con chung là Nguyễn Mẫn N, sinh ngày 30/7/2018 và hiện đang sống cùng chị Bùi Thị Lan A. Khi ly hôn, chị Bùi Thị Lan A nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn và chưa có yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, chị Bùi Thị Lan A khai là không có.

Về phía anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ nơi cư trú của anh Nguyễn Văn Đ thể hiện anh Nguyễn Văn Đ có địa chỉ rõ ràng; có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ chị Bùi Thị Lan A đã cung cấp cho Tòa án nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú do đi làm ăn xa, không ở một địa chỉ ổn định nên không lấy được ý kiến của anh Nguyễn Văn Đ. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị Lan A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, đã được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Lan A và anh Nguyễn Văn Đ có mâu thuẫn trầm trọng; không còn tình cảm vợ chồng; mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho ly hôn. Về việc nuôi con, vì con dưới 36 tháng tuổi nên cần giao cho chị Bùi Thị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ không có mặt tại Tòa án mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh Nguyễn Văn Đ đúng như địa chỉ mà nguyên đơn đã cung cấp. Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh Nguyễn Văn Đ. Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Lan A và anh Nguyễn Văn Đ khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm về độ tuổi cũng

như những quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa chị Bùi Thị Lan A và anh Nguyễn Văn Đ được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa chị Lan A và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được xác minh thể hiện vợ chồng chị Lan A anh Đ ngay sau khi kết hôn đã có biểu hiện không hợp nhau về quan điểm, tính cách và lối sống; vợ chồng sống không có hạnh phúc mà cuộc sống chung luôn trong trạng thái nặng nề, căng thẳng. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; đã sống ly thân nhau. Như vậy, chị Lan A và anh Đ đã không còn thương yêu, không còn chung sống cùng nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Lan A là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xác nhận chị Bùi Thị Lan A và anh Nguyễn Văn Đ có 01 con chung là Nguyễn Mẫn N, sinh ngày 30/7/2018. Khi ly hôn, chị Bùi Thị Lan A nhận trực tiếp nuôi con chung. Xét, con chung giữa chị Lan A và anh Đ chưa được 36 tháng tuổi, giữa chị Bùi Thị Lan A và anh Nguyễn Văn Đ không có thỏa thuận về việc nuôi con và chị Bùi Thị Lan A có đủ điều kiện nuôi con nên cần giao con chung cho chị Bùi Thị Lan A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Bùi Thị Lan A chưa có yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Bùi Thị Lan A vẫn có quyền yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con trong quá trình nuôi con. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Xác định không có.

[5] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Lan A về việc xin ly hôn; cho chị Bùi Thị Lan A được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về nuôi con: Chị Bùi Thị Lan A và anh Nguyễn Văn Đ có 01 con chung là Nguyễn Mẫn N, sinh ngày 30/7/2018. Sau khi ly hôn, giao cháu Nguyễn Mẫn N cho chị Bùi Thị Lan A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi

dưỡng. Anh Nguyễn Văn Đ chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Anh Nguyễn Văn Đ không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Xác nhận không có.

4. Án phí: Chị Bùi Thị Lan A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002802 ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn; chị Bùi Thị Lan A đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- UBND xã N – Lạc Sơn – HB;
- (Nơi đăng ký kết hôn ngày 14/3/2018)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Phạm Cao Sơn